

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /2022/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, như sau:

a) Kỳ thi nghề phổ thông.

- b) Tập huấn đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia.
- c) Thanh tra các kỳ thi, giám sát hoạt động của đoàn thanh tra (áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm).
- d) Các cuộc thi, hội thi
 - d1) Cấp mầm non: Hội thi giáo viên dạy giỏi, hội thi Tiếng hát dân ca, hội thi Bé khỏe, bé ngoan, hội thi ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, hội thi Đồ dùng dạy học tự làm.
 - d2) Cấp tiểu học: Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, hội thi Giáo dục an toàn giao thông, hội thi Giáo dục nha khoa, hội thi Tiết đọc thư viện, hội thi ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, hội thi thiết kế bài giảng e-learning, hội thi đồ dùng dạy học, cuộc thi Hùng biện Tiếng Anh.
 - d3) Cấp trung học: Hội thi giáo viên dạy giỏi; cuộc thi Khoa học kĩ thuật, cuộc thi chọn học sinh giỏi thực hành thí nghiệm, cuộc thi Hùng biện Tiếng Anh, hội thi đồ dùng dạy học, hội thi thiết kế bài giảng e-learning.
 - d4) Hội thao Giáo dục quốc phòng - an ninh, hội khỏe Phù Đổng; Đại hội thể dục thể thao ngành Giáo dục.
 - d5) Các hội thi, cuộc thi chuyên đề khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3. Mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục được nêu tại khoản 1 điều này:

- a) Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe cấp tỉnh.
- b) Đối với hội thi, cuộc thi, hội thao, hội khỏe cấp huyện: Mức chi không quá 70% mức chi của cấp tỉnh.
- c) Đối với hội thi, cuộc thi, hội thao, hội khỏe cấp trường: Mức chi không quá 50% mức chi của cấp tỉnh.
- d) Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nội dung quy định tại khoản 1 điều này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

(Có phụ lục kèm theo).

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách nhà nước được giao hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách, nguồn thu sự nghiệp giáo dục, nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2022.

b) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi thi nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



Bùi Văn Nghiêm

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số 21 /2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

I. Nội dung chi và mức chi Kỳ thi nghề phổ thông

Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
	Chi tiêu công cho các chức danh của thành viên Ban Chỉ đạo/Hội đồng thi và các Ban của Hội đồng thi			
1.	Ban chỉ đạo			
	Trưởng ban	280	Người/ngày	
	Phó trưởng ban	250	Người/ngày	
	Ủy viên, Thư ký	230	Người/ngày	
	Nhân viên phục vụ	140	Người/ngày	
2.	Hội đồng thi tỉnh			
	Chủ tịch	280	Người/ngày	
	Phó chủ tịch	250	Người/ngày	
	Ủy viên, thư ký	230	Người/ngày	
3.	Ban thư ký			
	Trưởng ban	200	Người/ngày	
	Phó trưởng ban	180	Người/ngày	
	Ủy viên	160	Người/ngày	
4.	Ban in sao			
	Trưởng ban	200	Người/ngày	
	Phó trưởng ban	180	Người/ngày	
	Ủy viên, Thư ký	160	Người/ngày	
5.	Ban coi thi		Người/ngày	
	Trưởng ban	200	Người/ngày	
	Phó trưởng ban	180	Người/ngày	
	Ủy viên, Thư ký, Cán bộ coi thi, kỹ thuật phòng máy	160	Người/ngày	
	Trưởng điểm	200	Người/ngày	
	Phó Trưởng điểm	180	Người/ngày	
	Y tế, phục vụ, bảo vệ	100	Người/ngày	

Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
6.	Ban Chấm thi			
6.1.	Giám khảo chấm bài thi thực hành	200	Người/ngày	
6.2.	Chấm trắc nghiệm			
	Trưởng ban	200	Người/ngày	
	Phó trưởng ban	180	Người/ngày	
	Ủy viên, Thư ký	160	Người/ngày	
	Cán bộ xử lý bài	180	Người/ngày	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế	100	Người/ngày	
7.	Ra đề kỳ thi nghề phổ thông			
7.1.	Ban/Hội đồng ra đề			
7.1.1.	Xây dựng; duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	Chủ trì (Trưởng ban/Chủ tịch, Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch)	200	Người/ngày	
	Thành viên	180	Người/ngày	
7.1.2.	Đề đề xuất	200	Đề	
7.1.3.	Đề chính thức, dự bị	200	Người/ngày	
7.1.4.	Phản biện	140	Người/ngày	
7.2.	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
7.2.1.	Xây dựng và duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	Chủ trì	200	Người/ngày	
	Thành viên	180	Người/ngày	
7.2.2.	Chi soạn thảo câu hỏi thô	14	Câu	
7.2.3.	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	12	Câu	
7.2.4.	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	10	Câu	
7.2.5.	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	7	Câu	
7.2.6.	Rà soát, lựa chọn, nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa.	2	Câu	
7.2.7.	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			

Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
	Chủ trì	200	Người/ngày	
	Thành viên	180	Người/ngày	

II. Nội dung và mức chi cho tập huấn đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia (Bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia)

Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Ban chỉ đạo			
	Trưởng ban	360	Người/ngày	
	Phó trưởng ban	320	Người/ngày	
	Ủy viên, Thư ký	280	Người/ngày	
2	Bồi dưỡng học sinh tham gia tập huấn	80	Buổi	

III. Nội dung và mức chi cho công tác thanh tra các kỳ thi

Đơn vị tính: Người/ngày

Stt	Chức danh	Mức chi (1.000 đồng)					
		Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kỳ thi tuyển sinh lớp 10	Kỳ thi nghề phổ thông	Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia	Kỳ thi học sinh giỏi THCS, THPT cấp tỉnh	Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia
1	Trưởng đoàn	450	360	200	600	360	360
2	Phó Trưởng đoàn	410	330	180	540	330	330
3	Thư ký, thành viên	360	290	160	480	290	290

IV. Nội dung và mức chi cho giám sát hoạt động của đoàn thanh tra

Đơn vị tính: Người/ngày

Stt	Chức danh	Mức chi (1.000 đồng)					
		Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kỳ thi tuyển sinh lớp 10	Kỳ thi nghề phổ thông	Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia	Kỳ thi học sinh giỏi THCS, THPT cấp tỉnh	Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia
1	Trưởng đoàn/Tổ	450	360	200	600	360	360

	trưởng/Giám sát độc lập						
2	Phó Trưởng đoàn/ Tổ phó	410	330	180	540	330	330
3	Thư ký, thành viên	360	290	160	480	290	290

V. Nội dung và mức chi cho các cuộc thi, hội thi, Hội thao Quốc phòng an ninh, Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội thể dục thể thao ngành Giáo dục

Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Ban ra đề thi, Ban duyệt đề, Ban coi thi			
1.1.	Chi tiền bồi dưỡng			
	Trưởng ban/Chủ tịch	240	Người/ngày	
	Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch	210	Người/ngày	
	Ủy viên, Thư ký, Thành viên các tiểu ban	190	Người/ngày	
	Giám sát, Trọng tài	100	Người/buổi	
	Công an, Y tế, Phục vụ	60	Người/buổi	
1.2.	Chi tiền ăn			
	Trưởng ban/Chủ tịch; Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch; Ủy viên, Thư ký, Giám sát, Trọng tài, Thành viên các tiểu ban	120	Người/ngày	Đối với thành viên ngoài ngành giáo dục
2	Chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp trường			
2.1.	Tập huấn	80	Người/ngày	
2.2.	Thi đấu	120	Người/ngày	
3	Chi khám sức khỏe cho vận động viên đội tuyển	Theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh		
4	Tổ chức đồng diễn đối với hội khỏe, hội thao; Đại hội thể dục thể thao			
4.1.	Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các đồng diễn theo hợp đồng kinh tế	Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ Nghị định số		

Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
		21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và Nghị định số 18/2014/NĐ-CP, ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.		
4.2.	<i>Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễn hành, xếp hình, xếp chữ</i>			
	Tập luyện	30	Người/buổi	
	Tổng duyệt	40	Người/buổi	
	Chính thức	60	Người/buổi	
	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	60	Người/buổi	
5	Chi phí tổ chức thi			
5.1.	<i>Chi thuê hội trường (nếu có), trang trí</i>	Theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh nhưng không quá 5.000		Tùy theo tính chất cuộc thi/hội thi do Trường ban tổ chức cuộc thi/hội thi quyết định
5.2.	<i>Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ trực tiếp cho cuộc thi/hội thi</i>	Theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh nhưng không quá 5.000		
5.3	<i>Giấy chứng nhận, cờ lưu niệm</i>	Theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh nhưng không quá 5.000		
5.4	<i>Thuê chuyên gia hoặc giáo viên tư vấn, hỗ trợ</i>	1.000	Người/dự án	



Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
				Khoa học kỹ thuật (dành cho học sinh trung học). - Mỗi dự án thuê không quá 02 chuyên gia tư vấn, hỗ trợ.
5.5	Hỗ trợ tác giả	1.000	Dự án	Chỉ áp dụng đối với các dự án (sản phẩm) được tỉnh chọn dự thi cấp khu vực/toàn quốc của cuộc thi Khoa học kỹ thuật (dành cho học sinh trung học).
6	Khen thưởng			Trừ cuộc thi chọn học sinh giỏi thực hành thí nghiệm
6.1.	<i>Đối với cuộc thi/hội thi</i>			
6.1.1.	Tập thể			
	Giải nhất	2.000	Giải	Số lượng giải khuyến khích không vượt quá 50% số lượng đội tham dự.
	Giải nhì	1.700	Giải	
	Giải ba	1.500	Giải	
	Giải khuyến khích	1.000	Giải	
6.1.2.	Cá nhân			
	Giải nhất	800	Giải	Số lượng giải khuyến khích không vượt quá 50% số lượng thí sinh còn lại sau khi trừ đi số đã đạt giải I, II, III
	Giải nhì	600	Giải	
	Giải ba	500	Giải	
	Giải khuyến khích	400	Giải	
6.2.	<i>Đối với hội thao/hội khỏe</i>			
6.2.1.	Bóng đá: (11 người)			
	Nhất/Huy chương vàng	3.600	Giải	
	Nhì/Huy chương bạc	2.700	Giải	
	Ba/Huy chương đồng	1.800	Giải	
	Tư	900	Giải	
6.2.2.	Bóng đá: (7 người)			
	Nhất/Huy chương vàng	2.400	Giải	
	Nhì/Huy chương bạc	1.800	Giải	
	Ba/Huy chương đồng	1.500	Giải	
	Tư	900	Giải	
6.2.3.	Bóng đá: (5 người)			
	Nhất/Huy chương vàng	1.800	Giải	
	Nhì/Huy chương bạc	1.500	Giải	

Stt	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)	Đơn vị tính	Ghi chú
	Ba/Huy chương đồng	1.200	Giải	
	Tư	720	Giải	
6.2.4.	Bóng chuyền			
	Nhất/Huy chương vàng	2.400	Giải	
	Nhi/Huy chương bạc	1.800	Giải	
	Ba/Huy chương đồng	1.500	Giải	
	Tư	900	Giải	
6.2.5.	Kéo co			
	Nhất/Huy chương vàng	1.200	Giải	
	Nhi/Huy chương bạc	900	Giải	
	Ba/Huy chương đồng	720	Giải	
	Tư	540	Giải	
6.2.6	Giải đồng đội: (3-5 người)			
	Nhất/Huy chương vàng	360	Giải	
	Nhi/Huy chương bạc	300	Giải	
	Ba/Huy chương đồng	240	Giải	
6.2.7.	Giải đôi: (2 người)			
	Nhất/Huy chương vàng	300	Giải	
	Nhi/Huy chương bạc	240	Giải	
	Ba/Huy chương đồng	180	Giải	
	Tư	120	Giải	
6.2.8.	Giải đơn			
	Nhất/Huy chương vàng	240	Giải	
	Nhi/Huy chương bạc	180	Giải	
	Ba/Huy chương đồng	120	Giải	
	Tư	60	Giải	